TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2025/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Đạo

Bà Dương Thị Hà

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Dương Thị Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa*:** Bà Lý Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2025 về việc xin ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị S, sinh năm 1994

Căn cước công dân số: 020194011873, cấp ngày 18/12/2021, do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1991.

Căn cước công dân số: 020091011833

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị S kết hôn với anh Hoàng Văn L vào năm 2016, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống tại thôn L, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, được một thời gian thì vợ chông xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Văn L chơi bời, không lo làm ăn, dẫn đến sử dụng ma túy và phải đi cai nghiện. Sau khi đi cai nghiện về anh Hoàng Văn L vẫn tiếp tục chơi bời,không thay đổi, mặc dù gia đình đã cố gắng khuyên bảo, vì vậy mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được, vợ chồng đã sống ly thân, chị Dương Thị S yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

Về con chung: Chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L có một người con chung tên là Hoàng Hải N, sinh ngày 04/8/2016. Khi ly hôn chị Dương Thị S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Hoàng Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng Văn L vắng mặt, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như kết quả xác minh với đại diện gia đình anh Hoàng Văn L là ông Hoàng Văn C là bố đẻ của anh Hoàng Văn L và đại diện thôn Làng Mỏ, xã H; kết quả xác minh đều khẳng định sau khi anh Hoàng Văn L đi chấp hành án về tôi Mua bán trái phép chất ma túy về anh Hoàng Văn L vẫn cư trú tại thôn L, xã H, tỉnh Lạng Sơn. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Hoàng Văn L không đến Tòa án tham gia tố tụng mà không có lý do.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Hoàng Văn L không đến Tòa án tham gia vào quá trình tố tụng, chị Dương Thị S có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định tại Điều 48, 51 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Dương Thị S đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự như: Thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm

nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt tại Tòa án mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần, do vậy chưa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Dương Thị S được ly hôn với anh Hoàng Văn L. Về con chung: Có 01 người con chung tên là Hoàng Hải N, sinh ngày 04/8/2016. Khi ly hôn, giao con chung cho chị Dương Thị S được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh Hoàng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí, đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Dương Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý vụ án và xác định quan hệ tranh chấp là đúng quy định của pháp luật và đúng thẩm quyền. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa lần hai các đương sự vắng mặt, nguyên đơn chị Dương Thị S có đơn xin giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tình cảm: Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn nay là xã H, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 22/7/2016 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hoàng Văn L không tu chí làm ăn, vi phạm pháp luật, sau khi đi chấp hành án về vẫn không thay đổi, vợ chồng không còn tình cảm, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống.

[4] Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L thấy rằng: Anh Hoàng Văn L không hợp tác với Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn và cũng không có ý kiến gì về việc chị Dương Thị S có đơn xin ly hôn với anh. Như vậy tình trạng hôn nhân giữa chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử xét thấy, chị Dương Thị S yêu cầu ly hôn

với anh Hoàng Văn L là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung: Chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L có một người con chung tên là Hoàng Hải N, sinh ngày 04/8/2016. Khi ly hôn chị Dương Thị S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), không yêu cầu anh Hoàng Văn L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Còn anh Hoàng Văn L quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án tham gia tố tụng nên không có ý kiến về con chung. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị Dương Thị S về con chung là có căn cứ nên cần chấp nhận, khi ly hôn giao con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Dương Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi), đó cũng là nguyện vọng của cháu Hoàng Hải N; anh Hoàng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị Dương Thị S không yêu cầu; anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[6] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Chị Dương Thị S, quá trình giải quyết vụ án trình bày là không có, còn anh Hoàng Văn L vắng mặt, không có ý kiến gì. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Dương Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V – Phòng nghiệp vụ 2.

[9] Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 56; Điều 57, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị S được ly hôn với anh Hoàng Văn L.

2. Về con chung: Chị Dương Thị S và anh Hoàng Văn L có một người con chung tên là Hoàng Hải N, sinh ngày 04/8/2016. Khi ly hôn giao con chung là cháu Hoàng Hải N, sinh ngày 04/8/2016 cho chị Dương Thị S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Hoàng Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh Hoàng Văn L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị Dương Thị S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) để sung vào công quỹ Nhà nước. Xác nhận chị Dương Thị S đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại tài khoản 3949.0.1054441.00000 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn tại Kho bạc nhà nước Khu vực V – Phòng nghiệp vụ 2.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Dương Thị S, bị đơn anh Hoàng Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bắc Sơn, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Hưng Vũ, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Ngọc